

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Cao Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Huỳnh Mai Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 03 đường H, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. ***Có mặt***

2. ***Bị đơn:*** Chị Lê Thị Hoàng Y, sinh năm 1984; địa chỉ: 6/414A, khu phố 01, phường 05, thị xã C, tỉnh T. ***Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-8-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Huỳnh Mai Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Hoàng Y kết hôn năm 2006, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyền số 01 ngày 06-4-2006). Sau khi kết hôn anh chị về sống tại 134 đường Trần Nhật Duật, tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gia đình hai bên tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được, nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Lê Thị Hoàng Y không còn yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau nên anh xin ly hôn chị Lê Thị Hoàng Y.

Về nuôi con chung: Anh và chị Y có 03 con chung là cháu Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 02-3-2007; cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 07-12-2010 và cháu Huỳnh Lê Thảo L, sinh ngày 28-7-2012. Hiện nay cháu Huỳnh Lê Tường V và cháu Huỳnh Minh Q đang ở với anh tại địa chỉ số 03 đường Hùng Vương, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, còn cháu Huỳnh Lê Thảo L đang ở cùng với chị Y tại địa chỉ 6/414A khu phố 01, phường 05, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi 02 cháu Huỳnh Lê Tường V và cháu Huỳnh Minh Q, chị Y nuôi cháu Huỳnh Lê Thảo L; không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Lê Thị Hoàng Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận chị và anh Huỳnh Mai Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06-4-2006. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như anh Huỳnh Mai Đ đã trình bày, nay anh Huỳnh Mai Đ xin ly hôn chị, chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu V, cháu Q và cháu L như anh Đ đã trình bày. Ly hôn, chị Y đồng ý nuôi cháu Huỳnh Lê Thảo L, để anh Đ nuôi 02 cháu Huỳnh Lê Tường V và cháu Huỳnh Minh Q; không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh trình bày là anh thường đi làm xa nhà, nên không có nhiều thời gian dành cho gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mặt khác, chị Y còn có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Y không nghe, nay anh nhận thấy tình trạng vợ chồng anh trên thực tế vẫn tiếp tục sống ly thân không còn thương yêu, quý trọng nhau, nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Y.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04-6-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, chị Lê Thị Hoàng Y khai: Hiện tại chị đang sống tại 6/414A khu phố 01, phường 05, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; giữa chị và anh Đ có đăng ký kết hôn ngày 06-4-2006 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2012 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên vắng nhà, không phụ giúp chăm lo cuộc sống của gia đình, chị có khuyên nhủ nhưng anh Đ vẫn bỏ mặc chị và các con. Anh Đ yêu cầu ly hôn, thì chị đồng ý. Về con chung, chị xác định hai vợ chồng có 03 con chung là cháu Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 02-3-2007, Huỳnh Minh Q, sinh ngày 07-12-2010 và Huỳnh Lê Thảo L, sinh ngày 28-7-2012 hiện cháu L sống với chị. Ly hôn chị đồng ý giao 02 cháu V và cháu Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đồng ý tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị có đơn xin giải quyết vắng mặt (Phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử và các giai đoạn tố tụng khác nếu có) và tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 04-6-2019 của chị Lê Thị Hoàng Y tiếp tục đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án giữa chị và anh Huỳnh Mai Đ; chị không có ý kiến khác ngoài các nội dung chị đã trình bày gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa chị Y vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Biên bản xác minh ngày 08-7-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Huỳnh Mai Đ và chị Lê Thị Hoàng Y tại tổ 03 (Tổ 6+7+8 cũ), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai xác định: anh Đ và chị Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại hẻm 134 Trần Nhật Duật, tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, không sống tại địa chỉ này mà sinh sống ở nhà cha mẹ của anh Đ tại số nhà 03 đường Hùng Vương, tổ 08 (Nay là tổ 03), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, sau đó chị Y đã vào tỉnh Tiền Giang sống ly thân ông Đ đến nay khoảng 03 năm, đến ngày 05-11-2018 chị Y đã cắt khẩu chuyển vào thị xã C, tỉnh Tiền Giang sinh sống.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng và có lời khai, bản tự khai gửi đến Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Anh Huỳnh Mai Đ được ly hôn với chị Lê Thị Hoàng Y.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 02-3-2007 và cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 07-12-2010 cho anh Huỳnh Mai Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Huỳnh Lê Thảo L, sinh ngày 28-7-2012 cho chị Lê Thị Hoàng Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Nguyên đơn anh Huỳnh Mai Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Mai Đ, có địa chỉ tại số nhà 03 đường Hùng Vương, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai có đơn yêu cầu Tòa án thành phố Pleiku giải quyết ly hôn với chị Lê Thị Hoàng Y; địa chỉ: 6/414A, khu phố 01, phường 05, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo văn bản thỏa thuận giữa anh Đ và chị Y yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Chị Lê Thị Hoàng Y vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Mai Đ và chị Lê Thị Hoàng Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 06-4-2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Anh Huỳnh Mai Đ và chị Lê Thị Hoàng Y là hợp pháp.

[4] Sau một thời gian chung sống, đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh Đ thường xuyên vắng nhà, không chăm lo cuộc sống của các con và gia đình, chị Y có khuyên nhủ anh Đ quay về cùng chị chăm lo gia đình nhưng anh Đ vẫn bỏ mặc chị và con là phù hợp với lời khai của chị Y tại Biên bản lấy lời khai ngày 04-6-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Tại bản tự khai của chị Y cũng xác định cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không giải quyết được và hiện nay chị và anh Đ sống ly thân, anh Đ yêu cầu ly hôn nên chị đồng ý. Mặt khác, anh Đ cho rằng chị Y còn có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Y không nghe, nay anh nhận thấy tình trạng vợ chồng trên thực tế ly thân từ năm 2013 đến nay không còn thương yêu, quý trọng lẫn nhau nữa. Biên bản xác minh ngày 08-7-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị Y xác định chị Y đã cắt khâu chuyển vào thị xã C, tỉnh Tiền Giang năm 2018. Chị Y và anh Đ sống ly thân đến nay khoảng 03 năm và không có liên lạc gì với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân anh Đ, chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Hoàng Y.

[5] Về nuôi con chung: Anh Đ và chị Y có 03 con chung là cháu Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 02-3-2007; cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 07-12-2010 và cháu Huỳnh Lê Thảo L, sinh ngày 28-7-2012. Hiện cháu V và cháu Q đang sống cùng với anh Đ tại địa chỉ số 03 Hùng Vương, phường D, thành phố P; cháu L đang sống cùng chị Y tại phường 05, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu Q, chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 04-6-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, ly hôn chị Y đồng ý nuôi cháu

Huỳnh Lê Thảo L, để anh Đ nuôi 02 cháu Huỳnh Lê Tường V và cháu Huỳnh Minh Q, như vậy yêu cầu của các bên phù hợp với nguyện vọng của cháu V và cháu Q tại Bản tự khai của cháu V ngày 03-6-2019; Biên bản làm việc với cháu Q ngày 03-6-2019 cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh Đ. Xét thấy, Anh Đ có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, cháu Q tốt nên cần giao cháu V và cháu Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu L đang ở với chị Y nên cần giao cháu L cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần được quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Anh Đ và chị Y không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí: Anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Mai Đ.

1. *Về hôn nhân*: Cho anh Huỳnh Mai Đ ly hôn chị Lê Thị Hoàng Y.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là cháu Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 02-3-2007 và cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 07-12-2010 cho anh Huỳnh Mai Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Huỳnh Lê Thảo L, sinh ngày 28-7-2012 cho chị Lê Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Mai Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004557 ngày 29-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Như vậy, anh Huỳnh Mai Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Diên Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Công Tồn